

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số thuế: **3500100424**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-25



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 7 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2016, trước đây là Phó chủ tịch)
Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2016)
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016)

Ban kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2016)
Ông Ký Hữu Trí	Thành viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2016)
Ông Trần Hữu Trí	Thành viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lợi	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2017)
Ông Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2016)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ông NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2017

3133
CH
CÔNG
KI
TÀI
VI

Số : TNRUB/021.HCM.16

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017 từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

NGUYỄN THỊ THANH
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0185-2013-038-1

TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0417-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

3767-6
CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN
BDO
P. HỒ CHÍ MINH
TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		183.815.822.833	187.893.203.501
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	136.535.945.334	154.470.970.498
Tiền	111		16.208.274.100	44.122.382.428
Các khoản tương đương tiền	112		120.327.671.234	110.348.588.070
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	20.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.974.070.174	6.446.727.639
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	15.275.474.690	9.204.761.576
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.585.225.000	1.387.533.200
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	2.000.338.359	2.157.357.638
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(5.886.967.875)	(6.302.924.775)
Hàng tồn kho	140	4.6	13.053.987.208	16.970.989.667
Hàng tồn kho	141		13.053.987.208	19.461.216.197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.490.226.530)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.251.820.117	4.515.697
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	50.805.163	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	1.201.014.954	4.515.697
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.274.433.234	133.186.178.569
Tài sản cố định	220		46.154.853.016	43.646.273.930
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	45.928.186.350	43.362.940.597
Nguyên giá	222		104.938.488.810	97.766.785.336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.010.302.460)	(54.403.844.739)
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	226.666.666	283.333.333
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.333.334)	(56.666.667)
Tài sản dở dang dài hạn	240		66.945.862.724	61.557.809.669
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.6	-	144.253.178
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	66.945.862.724	61.413.556.491
Đầu tư tài chính dài hạn	250		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.10	26.811.175.704	26.811.175.704
Tài sản dài hạn khác	260		1.362.541.790	1.170.919.266
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	777.780.056	490.143.708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.12	584.761.734	680.775.558
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		325.090.256.067	321.079.382.070

75-
H
HH
IN
MIN
SC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.657.104.816	18.640.367.961
Nợ ngắn hạn	310		17.657.104.816	18.640.367.961
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	301.047.316	1.320.230.406
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		930.000.000	1.670.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	1.552.000	1.620.300.359
Phải trả người lao động	314		4.328.858.406	5.755.085.123
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	3.352.376.063	3.454.281.563
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	2.032.185.885	2.406.325.420
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	200.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.17	6.711.085.146	2.214.145.090
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	307.433.151.251	302.439.014.109
Vốn chủ sở hữu	410		307.433.151.251	302.439.014.109
Vốn cổ phần	411		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		91.957.636.159	88.326.440.768
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.975.515.092	21.612.573.341
- Các năm trước	421a		431.360.950	8.720.090.768
- Năm nay	421b		22.544.154.142	12.892.482.573
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		325.090.256.067	321.079.382.070



TRẦN HỮU TRÍ
Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng




NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		58.721.368.820	83.401.333.327
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	58.721.368.820	83.401.333.327
Giá vốn hàng bán	11	5.2	55.950.168.585	84.904.213.560
Lợi nhuận gộp	20		2.771.200.235	(1.502.880.233)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	25.199.381.639	6.024.993.020
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	5.4	55.104.020	43.382.680
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	6.680.719.037	10.719.286.782
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		21.234.758.817	(6.240.556.675)
Thu nhập khác	31	5.6	2.623.069.922	28.214.544.823
Chi phí khác	32	5.7	212.819.742	6.354.481.931
Lợi nhuận khác	40		2.410.250.180	21.860.062.892
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.645.008.997	15.619.506.217
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	1.004.841.031	3.407.799.202
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn	52	5.8	96.013.824	(680.775.558)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.544.154.142	12.892.482.573
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	1.171	670


TRẦN HỮU TRÍ
Người lập bảng


NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU MẠNH CƯỜNG
Phó Tổng giám đốc
TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	23.645.008.997	15.619.506.217
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.039.788.954	5.460.161.244
Các khoản dự phòng	03	(2.366.051.591)	2.524.804.053
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.270.801.577)	(34.087.342.383)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.047.944.783	(10.482.870.869)
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	(6.330.609.908)	318.511.746
Giảm hàng tồn kho	10	6.247.694.438	10.014.226.761
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(4.976.280.691)	2.385.217.209
Tăng chi phí trả trước	12	(287.636.348)	(135.697.537)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.722.334.498)	(3.887.493.269)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.016.455.875)	(2.728.357.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.037.678.099)	(4.516.462.959)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ	21	(13.445.832.404)	(19.611.874.420)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	242.632.000	37.959.330.698
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.913.781.639	6.083.829.946
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.710.581.235	24.431.286.224
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.607.928.300)	(9.602.866.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.607.928.300)	(9.602.866.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(17.935.025.164)	10.311.957.265
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	154.470.970.498	144.159.013.233
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	136.535.945.334	154.470.970.498

TRẦN HỮU TRÍ
Người lập bảng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 7 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non (chủ trương sẽ được sáp nhập vào Nông trường cao su Hòa Bình 2 theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị ngày 6 tháng 6 năm 2016);
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, số lượng công nhân viên của Công ty là 460 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 469 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

1333
CHI
CÔNG
KIẾ
I
TẠI TP
17-

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Dụng cụ quản lý	4 - 7 năm

3.5 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong thời gian 6 năm.

167-6
NHÀ
TY T
N TO
ĐC
HỒ CH
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.6 Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 5 đến 20 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả dài hạn trước chủ yếu bao gồm chi phí vật tư, công cụ dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc khoảng thời gian của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.11 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

05-1
H
HH
ÁN
MINH
C

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với Nông trường Hòa Bình 2, Nông trường Phong Phú thực hiện tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty được miễn thuế thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm (năm 2006, 2007 và năm 2008) và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2016).

3.14 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Bà Châu Thị Hồng Diệp	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Lê Danh	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Ông Nguyễn Văn Thoại	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ	714.873.088	968.651.816
Tiền gửi ngân hàng	15.493.401.012	43.153.730.612
Các khoản tương đương tiền	120.327.671.234	110.348.588.070
	<u>136.535.945.334</u>	<u>154.470.970.498</u>

Số dư tiền và các khoản tương đương tiền theo nguyên tệ như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
VND	136.535.945.334	136.535.945.334	154.414.577.432	154.414.577.432
USD	-	-	2.513,06	56.393.066
		<u>136.535.945.334</u>		<u>154.470.970.498</u>

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 5,00%/năm.

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng – VND	<u>20.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

4.3 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu thương mại – Bên thứ ba	15.251.312.930	9.172.463.786
Phải thu thương mại – Bên liên quan	24.161.760	32.297.790
	<u>15.275.474.690</u>	<u>9.204.761.576</u>

4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Lãi dự thu	943.600.000	658.000.000
Ứng trước thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm toán nội bộ	303.000.000	298.500.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	58.919.328
Tạm ứng nhân viên	52.650.000	42.300.000
Ký quỹ thuê xe	5.000.000	155.000.000
Phải thu khác	696.088.359	944.638.310
	<u>2.000.338.359</u>	<u>2.157.357.638</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.5 Nợ quá hạn và Dự phòng phải thu khó đòi

	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2016 trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2015 trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	5.569.147.875	5.569.147.875	5.785.104.775	5.785.104.775
Phải thu khác	317.820.000	317.820.000	517.820.000	517.820.000
	5.886.967.875	5.886.967.875	6.302.924.775	6.302.924.775

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong số dư nợ quá hạn bao gồm 4.537.000.000 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và 1.349.967.875 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long.

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	6.302.924.775	4.902.683.349
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm	(179.612.790)	1.400.241.426
Xóa nợ trong năm	(236.344.110)	-
Số dư cuối năm	5.886.967.875	6.302.924.775

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Ngắn hạn		
Nguyên vật liệu	537.079.095	1.067.897.179
Công cụ dụng cụ	601.033.942	682.475.406
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.250.714	209.340.000
Thành phẩm	11.902.623.457	17.479.673.612
Hàng hóa	-	21.830.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	13.053.987.208	19.461.216.197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.490.226.530)
	13.053.987.208	16.970.989.667
Dài hạn		
Vườn ươm cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	-	144.253.178

Tình hình trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	2.490.226.530	1.456.316.416
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(2.186.438.801)	1.124.562.627
Xử lý hủy hàng	(303.787.729)	(90.652.513)
Số dư cuối năm	-	2.490.226.530

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2016	39.647.353.784	16.616.735.294	3.720.103.508	1.092.022.320	36.690.570.430	97.766.785.336
Tăng từ XDCB	69.940.721	-	-	-	3.784.237.450	3.854.178.171
Mua sắm	-	3.872.523.000	-	-	-	3.872.523.000
Thanh lý	-	-	(347.692.790)	-	(207.304.907)	(554.997.697)
Số dư 31/12/2016	39.717.294.505	20.489.258.294	3.372.410.718	1.092.022.320	40.267.502.973	104.938.488.810
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2016	30.515.968.605	11.775.792.575	3.613.329.830	1.076.262.244	7.422.491.485	54.403.844.739
Khấu hao	2.096.601.657	1.285.793.987	36.748.333	15.760.076	1.555.339.303	4.990.243.356
Thanh lý	-	-	(347.692.790)	-	(36.092.845)	(383.785.635)
Số dư 31/12/2016	32.612.570.262	13.061.586.562	3.302.385.373	1.092.022.320	8.941.737.943	59.010.302.460
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2016	9.131.385.179	4.840.942.719	106.773.678	15.760.076	29.268.078.945	43.362.940.597
Ngày 31/12/2016	7.104.724.243	7.427.671.732	70.025.345	-	31.325.765.030	45.928.186.350

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.492.522.104 VND (31 tháng 12 năm 2015 là 26.377.361.524 VND).

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 309.851.108 VND.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý tại Nhà máy thức ăn gia súc Hưng Long là 30.207.744 VND.

Trong năm, Công ty đã tiến hành thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tại Nông trường cao su Hòa Bình 2 chi tiết như sau :

Nông trường	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Phong Phú	1.530	191.709.515	(33.267.183)	158.442.332
- Hòa Bình 2	159	15.595.392	(2.825.662)	12.769.730
	1.689	207.304.907	(36.092.845)	171.212.062

333
 CHƯ
 ĐNG
 KIẾ
 I
 (TP)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.8 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2016	340.000.000
Vào ngày 31/12/2016	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2016	56.666.667
Khấu hao trong năm	56.666.667
Vào ngày 31/12/2016	113.333.334
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2016	283.333.333
Vào ngày 31/12/2016	226.666.666

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư đầu năm VND	Tăng VND	Kết chuyển TSCĐ VND	Số dư cuối năm VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	50.590.843.969	8.630.975.656	(2.268.675.925)	56.953.143.700
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	10.822.712.522	539.727.180	(1.515.561.525)	9.846.878.177
Chi phí XD CB khác	-	215.781.568	(69.940.721)	145.840.847
	61.413.556.491	9.386.484.404	(3.854.178.171)	66.945.862.724

4.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của Công ty này.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	394.214.536	132.736.207
Hệ thống xử lý nước thải	146.095.501	357.407.501
Chi phí khác	237.470.019	-
	777.780.056	490.143.708

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	490.143.708	354.446.171
Tăng trong năm	769.921.383	481.236.727
Phân bổ trong năm	(482.285.035)	(345.539.190)
Số dư cuối năm	777.780.056	490.143.708

767
 NHÀ
 TY
 A T
 Đ
 HỒ C
 P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	40.000.000
- Chi phí trích trước	320.727.273	320.727.273
- Dự phòng phải thu khó đòi	264.034.461	320.048.285
	584.761.734	680.775.558

Tình hình biến động của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	680.775.558	-
Ghi nhận vào (chi phí) / thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(96.013.824)	680.775.558
Số dư cuối năm	584.761.734	680.775.558

4.13 Phải trả người bán – ngắn hạn

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải trả cho người bán – bên thứ ba	301.047.316	1.320.230.406

4.14 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	-	-
Phát sinh trong năm :		
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	863.337.544	787.835.795
- Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	(812.532.381)	(787.835.795)
Số dư cuối năm	50.805.163	-

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số dư phải trả/ (phải thu) đầu năm VND	Phải nộp trong năm VND	Đã trả trong năm VND	Số dư phải trả/ (phải thu) cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	640.120.152	1.906.972.905	(2.547.093.057)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	725.484.107	1.004.841.031	(2.722.334.498)	(992.009.360)
Thuế thu nhập cá nhân	(4.515.697)	130.896.170	(188.793.073)	(62.412.600)
Thuế tài nguyên	798.400	8.431.440	(7.677.840)	1.552.000
Thuế thuê đất	253.897.700	3.064.115.389	(3.464.606.083)	(146.592.994)
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Thuế khác	-	7.052.998	(7.052.998)	-
Tổng cộng	1.615.784.662	6.131.309.933	(8.946.557.549)	(1.199.462.954)
Trong đó:				
Phải trả	1.620.300.359			1.552.000
Phải thu	(4.515.697)			(1.201.014.954)

005-
NH
TNHP
AN
MINH
SCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.15 Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Chi phí ăn giữa ca	103.695.000	107.100.500
Chi phí đo đạc lập bản đồ	1.603.636.364	1.603.636.364
Chi phí thuê đất	1.597.544.699	1.597.544.699
Chi phí khác	47.500.000	146.000.000
	3.352.376.063	3.454.281.563

4.16 Phải trả khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Cổ tức phải trả	1.143.381.968	1.126.310.268
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	591.377.015	232.588.250
Phải trả khác – Bên thứ ba (*)	297.426.902	951.426.902
Phải trả khác – Bên liên quan	-	96.000.000
	2.032.185.885	2.406.325.420

(*) Trong đó bao gồm 247.426.902 VND là công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	2.214.145.090	2.332.283.484
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	7.525.017.000	2.665.203.717
Sử dụng quỹ trong năm	(3.020.955.875)	(2.752.357.000)
Khấu hao tài sản cố định từ quỹ phúc lợi	(7.121.069)	(30.985.111)
Số dư cuối năm	6.711.085.146	2.214.145.090



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.18 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Công VND
Năm trước				
Số dư 01/01/2015	192.500.000.000	86.277.191.739	23.975.498.202	302.752.689.941
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.892.482.573	12.892.482.573
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.565.203.717	(2.565.203.717)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.665.203.717)	(2.665.203.717)
Chia cổ tức	-	-	(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Giảm khác	-	(515.954.688)	-	(515.954.688)
Số dư 31/12/2015	192.500.000.000	88.326.440.768	21.612.573.341	302.439.014.109
Năm nay				
Số dư 01/01/2016	192.500.000.000	88.326.440.768	21.612.573.341	302.439.014.109
Lợi nhuận trong năm	-	-	22.544.154.142	22.544.154.142
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.631.195.391	(3.631.195.391)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.525.017.000)	(7.525.017.000)
Chia cổ tức	-	-	(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư 31/12/2016	192.500.000.000	91.957.636.159	22.975.515.092	307.433.151.251

Trong năm 2016, các quỹ Đầu tư phát triển và Khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 29 tháng 6 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2016 VND	2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong năm	9.625.000.000	9.625.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 29 tháng 6 năm 2016, cổ tức năm 2015 được chia theo tỷ lệ 5% (2014: 5%).

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

- Cổ phiếu ưu đãi : không có

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu thuần

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mủ cao su	40.191.575.600	48.039.869.300
Doanh thu bán nhân điều, điều thô	6.709.483.383	22.685.770.206
Doanh thu bán thức ăn gia súc	-	82.921.429
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	11.820.309.837	12.592.772.392
	58.721.368.820	83.401.333.327
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	58.721.368.820	83.401.333.327

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2 Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn bán mũ cao su	37.417.621.398	50.132.645.393
Giá vốn bán nhân điều, điều thô	7.200.367.098	22.293.970.999
Giá vốn thức ăn gia súc	355.265.153	131.029.672
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	10.976.914.936	12.346.567.496
	55.950.168.585	84.904.213.560

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	14.135.876.382	29.868.462.376
Chi phí nhân công	23.611.067.853	25.372.691.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.722.358.997	4.909.547.411
Chi phí dụng cụ sản xuất	3.502.571.426	812.220.207
Chi phí gia công	1.503.165.818	7.856.524.041
Chi phí khác	4.888.427.469	5.786.724.426
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ	196.089.286	(209.340.000)
Chênh lệch thành phẩm đầu kỳ và cuối kỳ	5.577.050.155	9.382.820.722
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.186.438.801)	1.124.562.627
	55.950.168.585	84.904.213.560

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.805.315.639	6.022.329.946
Cổ tức được chia	18.394.066.000	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá	-	2.663.074
	25.199.381.639	6.024.993.020

5.4 Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí bốc xếp	55.104.020	43.382.680
	55.104.020	43.382.680

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.486.113.920	4.265.759.292
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	53.383.715	33.344.878
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.005.899	265.394.566
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	15.588.921
Chi phí đo đạc	-	1.603.636.364
Trợ cấp thôi việc	832.344.445	1.024.991.750
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(179.612.790)	1.400.241.426
Chi phí khác	2.275.483.848	2.110.329.585
	6.680.719.037	10.719.286.782

5.6 Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Thu thanh lý cây cao su	187.290.000	36.630.176.000
Thu thanh lý tài sản cố định	55.200.000	1.632.894.709
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(171.212.062)	(10.367.483.499)
Chi phí thanh lý tài sản	(5.378.000)	(303.740.011)
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	65.899.938	27.591.847.199
Thu tiền hỗ trợ hoa màu do đất bị hạn chế khả năng sử dụng trong hành lang công trình đường dây 220KV	2.297.870.816	-
Thu khác	259.299.168	622.697.624
	2.623.069.922	28.214.544.823

5.7 Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định ngưng sử dụng	108.424.058	285.219.267
Chi phí lãi phạt chậm nộp về cổ phần hóa và cổ tức	-	4.883.096.874
Chi phí khác	104.395.684	1.186.165.790
	212.819.742	6.354.481.931

376
 I NH
 3 TY
 EM T
 BD
 P. HỒ
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.004.841.031	3.407.799.202
Chi phí/ (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại (thuyết minh 4.12)	96.013.824	(680.775.558)
	1.100.854.855	2.727.023.644

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.645.008.997	15.619.506.217
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế:		
Chi phí không được khấu trừ	253.331.278	5.445.256.607
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	(18.394.066.000)	-
Chênh lệch tạm thời		
- Chi phí trích trước	-	1.603.636.364
- Dự phòng phải trả	(200.000.000)	200.000.000
- Dự phòng phải thu khó đòi	(280.069.122)	1.600.241.426
Lợi nhuận tính thuế	5.024.205.153	24.468.640.614
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (2016: 10%, 2015: 11%)	-	1.996.850.391
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (2016: 20%, 2015: 22%)	1.004.841.031	1.389.400.153
Nộp bổ sung thuế TNDN cho các năm 2010-2013	-	21.548.658
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.004.841.031	3.407.799.202

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016	2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	22.544.154.142	12.892.482.573
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000 CP	19.250.000 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.171 VND/CP	670 VND/CP

7-00
 ÁNH
 TN
 OÁI
 O
 CHI M
 10 C

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su, nông sản, thực ăn gia súc, gỗ

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Cộng	
	2016	2015	2016	2015	2016	2015
Doanh thu bán cho bên ngoài	40.204	48.123	18.518	35.279	58.722	83.402
Giá vốn	(37.773)	(50.264)	(18.177)	(34.641)	(55.950)	(84.905)
Chi phí bán hàng	(55)	(43)	-	-	(55)	(43)
Kết quả bộ phận	2.376	(2.184)	341	638	2.717	(1.546)
Chi phí không phân bổ					(6.681)	(9.116)
Doanh thu tài chính	2.407	20.256	3	-	25.199	6.025
Lợi nhuận khác					2.410	20.256
Thuế TNDN					(1.101)	(2.727)
Lợi nhuận sau thuế					22.544	12.892
Chi phí mua sắm tài sản	13.294	19.772	-	-	13.294	19.772
Chi phí khấu hao	4.676	5.128	364	332	5.040	5.460

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Cộng	
	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015
Tài sản bộ phận	311.291	317.686	13.799	3.394	325.090	321.080
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	311.291	317.686	13.799	3.394	325.090	321.080
Nợ phải trả bộ phận	17.469	17.906	188	734	17.657	18.640
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	17.469	17.906	188	734	17.657	18.640

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.536	154.471	136.536	154.471
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000	10.000	20.000	10.000
Phải thu khách hàng	9.706	3.220	9.706	3.220
Phải thu khác	1.380	1.541	1.380	1.541
	167.622	169.232	167.622	169.232
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	301	1.320	301	1.320
Các khoản phải trả khác	4.241	3.137	4.241	3.137
	4.542	4.457	4.542	4.457

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh chủ yếu với các bên có liên quan trong năm như sau :

Nội dung nghiệp vụ	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH Hưng Nhơn Bán cây cao su thanh lý	187.290.000	240.030.000
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng Mua nguyên liệu	665.015.000	450.120.000
Châu Thị Hồng Điệp Gia công mũ Mua mũ	27.053.460 -	36.931.650 518.347.500
Công ty TNHH Lê Danh Mua nhiên liệu	458.400.909	1.099.900.000
Nguyễn Văn Thoại Thuê xe	60.000.000	216.000.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Châu Thị Hồng Điệp Phải thu thương mại	24.161.760	32.297.790
Nguyễn Văn Thoại Phải trả phi thương mại	-	(96.000.000)

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau :

	2016 VND	2015 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	<u>716.780.750</u>	<u>1.802.036.351</u>



TRẦN HỮU TRÍ
Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng





NGUYỄN HỮU MẠNH NƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc
TP. Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2017